

**HỘI NGHỆ CÁ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
CHI HỘI NGHỆ CÁ VĨNH TRỊ-HẢI DƯƠNG**



**PHƯƠNG ÁN  
GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN ĐÀM PHÁ CHO  
CHI HỘI NGHỆ CÁ VĨNH TRỊ-HẢI DƯƠNG**



**HẢI DƯƠNG, tháng 02/2011**

## MỤC LỤC

PHẦN 1:	3
TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CHNC VĨNH TRỊ	3
1.1 Tổ chức Chi hội Nghề cá	3
1.2 Các hoạt động của CHNC đến nay	3
1.3 Tình hình tài chính của CHNC	4
1.4 Thành lập Ban đồng quản lý	4
PHẦN 2:	5
HIỆN TRẠNG KHAI THÁC MẶT NƯỚC TRONG KHU VỰC CHNC	5
PHẦN 3:	7
KHU VỰC ĐỊA LÝ ĐỀ XUẤT GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN	7
3.1 Cơ sở pháp lý	7
3.2 Tọa độ địa lý của các vùng nằm trong quyền sử dụng mặt nước	7
3.2.1 Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC Vĩnh Trị	8
3.2.2 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và vùng đệm đường bờ	9
3.2.3 Vùng đáy	9
3.2.4 Vùng nò sáo	11
3.2.5 Vùng khai thác chung	11
PHẦN 4:	12
PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN ĐẦM PHÁ	12
4.1 Quy chế quản lý tài nguyên đầm phá đối với mỗi vùng chuyên biệt	12
4.1.1 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và đệm ven bờ đầm phá	12
4.1.2 Vùng đáy	12
4.1.3 Vùng nò sáo	13
4.1.4 Vùng khai thác chung	14
4.2 Quy chế về hệ thống phí sử dụng nguồn lợi	15
4.3 Quy chế xử lý vi phạm	16
4.4 Quy định về tuần tra giám sát	17
4.5 Quy chế quản lý xung đột	18
4.6 Phối hợp với các quy định khác của CHNC	18
4.7 Điều chỉnh phương án	18
PHẦN 5:	19
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG	19
5.1 Kế hoạch hoạt động chung và lịch thực hiện	19
5.2 Đăng ký nghề nghiệp, thu phí sử dụng nguồn lợi	20
5.3 Sắp xếp lại ngư cụ cố định	20
5.4 Công tác tuần tra giám sát	20
5.5 Các hoạt động bảo vệ và bảo tồn	20
5.6 Các hoạt động tuyên truyền	20
5.7 Cấm mốc bổ sung	21
PHỤ LỤC	23

# **PHẦN 1: TƯ CÁCH PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC CỦA CHI HỘI NGHỀ CÁ VĨNH TRỊ-HẢI DƯƠNG**

## **1.1 Tổ chức Chi hội Nghề cá.**

Chi hội Nghề cá (CHNC) Vĩnh Trị được thành lập vào ngày 12/10/2008 theo Quyết định số 40/QĐ về việc thành lập CHNC Vĩnh Trị-Hải Dương do Tỉnh hội Nghề cá (THNC) ban hành (Phụ lục 1). Điều lệ Chi hội nghề cá Vĩnh Trị đã được Ủy ban Nhân dân xã thông qua theo Quyết định số 14 ngày 09 tháng 02 năm 2009 (Phụ lục 2).

CHNC Vĩnh Trị hoạt động trên cả lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy sản. CHNC hiện có 68 hội viên (tính đến ngày 28/02/2011) với ban chấp hành (BCH) gồm năm (05) thành viên (Phụ lục 3 và 4). CHNC được chia thành ba phân hội dựa trên các hoạt động và vị trí địa lý.

## **1.2 Các hoạt động của CHNC đến nay**

- Tổ chức đại hội chi hội nghề cá vào ngày 18 tháng 3 năm 2010;
- Xây dựng quy chế và chiến lược quản lý đầm phá;
- Tổ chức 3 lớp tập huấn cho hội viên về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, 4 lớp kỹ năng quản lý cho ban chấp hành chi hội;
- Cắm mốc mặt nước các CHNC: chi hội Vĩnh Trị, Thượng Tây đã tổ chức cắm mốc ranh giới trên đất liền bằng cọc bê tông ngày 08 tháng 8 năm 2009;
- Trong năm 2009-2010 chi hội đã tham gia cùng dự án IMOLA, phòng NN huyện Hương Trà và UBND xã khảo sát thực trạng ngư cụ cố định trên đầm phá và thảo luận xây dựng kế hoạch phân vùng bố trí nghề nghiệp trên mặt nước ở xã Hải Dương.
- Công tác tuần tra: Chi hội giao nhiệm vụ cho các phân hội chịu trách nhiệm tự quản theo từng địa bàn, giám sát các hoạt động theo quy chế của chi hội đề ra, báo cáo và phối hợp với chi hội khi có các trường hợp vi phạm. Chi hội tổ chức tuần tra một tháng 1 lần, vận động, nhắc nhở các hộ làm nghề lừ, lưới không thả nghề ở miệng sáo, miệng đáy.. Nhờ đó đã hạn chế xung đột giữa nghề cố định và di động và hạn chế các hoạt động rà điện, xiéc điện xâm lấn vùng nuôi trồng, hạn chế mất mát tài sản của hội viên.

- Xây dựng quỹ tiết kiệm hỗ trợ sản xuất: chi hội vận động hội viên đóng góp xây dựng quỹ tiết kiệm và cho các hội viên vay với lãi suất ưu đãi, nhằm hỗ trợ một phần nguồn vốn sản xuất cho hội viên. Các hội viên gặp rủi ro trong khai thác và NTTS sẽ được chi hội xem xét ưu tiên. Toàn bộ lãi suất được chuyển vào quỹ hoạt động của chi hội. Được dự án IMOLA hỗ trợ ban đầu 10 triệu đồng, đợt 1 năm 2009 toàn thể hội viên của chi hội đã tham gia đóng góp xây dựng quỹ được 2,7 triệu đồng. Từ tháng 5 năm 2010 chi hội đã cho 5 hội viên vay với tổng số là 12 triệu đồng mua thức ăn đầu tư cho nuôi trồng thủy sản.

### 1.3 Tình hình tài chính của CHNC

Đvt: VNĐ	
<b>Tổng thu( 6/2009-6/2010)</b>	<b>13.467.000</b>
<b>Tổng chi(6/2009-6/2010)</b>	<b>680.000</b>
<b>Tồn quỹ(6/2010)</b>	<b>12.787.000</b>

### 1.4 Thành lập Ban đồng quản lý

Ban đồng quản lý (BDQL) thành lập ở xã Hải Dương vào ngày 09/4/2010 đóng vai trò điều phối giữa CHNC và chính quyền địa phương. Thông tin chi tiết về BDQL xem ở Phụ lục 5.

## **PHẦN 2: HIỆN TRẠNG KHAI THÁC MẶT NƯỚC TRONG KHU VỰC CHỈC**

Chi hội nghề cá Vĩnh Trị tổ chức hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản trên vùng mặt nước đầm phá tự nhiên cận kề thôn Vĩnh Trị. Nguồn lợi thủy sản ở đây dồi dào phong phú nên có nhiều nghề tham gia khai thác như nò sáo, đáy, rờ, lừ, lưới bén, câu.....Các hội viên của chi hội đa số làm kết hợp nhiều nghề như vừa khai thác bằng ngư cụ cố định và ngư cụ di động, vừa làm nghề khai thác vừa tham gia nuôi trồng thủy sản.

- Nghề nò sáo: tổng cộng có 14 hộ tham gia làm nghề nò sáo với 14 trộ được bố trí trên 3 dãy. Trong đó có một trộ nằm trong vùng ranh giới giữa hai xã, khoảng cách giữa hai cánh sáo liền kề của một số trộ còn rất hẹp(chỉ khoảng 5-7m), kích thước mắt lưới 2a khoảng 6-10mm( rất nhỏ so với quy định của UBND tỉnh là 2a tối thiểu = 18mm).

- Nghề đáy: vùng nước này có các luồng lạch sâu đi qua nên nghề đáy ở đây rất phát triển và đã có từ nhiều đời, mang tính cha truyền con nối. Ở đây có khoảng 48 hộ làm nghề đáy với 122 miệng đáy được bố trí trên 7 dãy. Trong đó có 47 miệng vi phạm đường giao thông, 4 miệng nằm trong vùng đệm giữa hai xã, 1 miệng nằm trong vùng đệm gần bờ. Kích thước mắt lưới phần đục 2a khoảng 4-6mm( rất nhỏ so với quy định của UBND tỉnh là 2a tối thiểu 18mm). Trong tổng số 48 hộ làm nghề đáy thì có 29 hộ từ địa phương khác đến(Quảng Thành 15 hộ, Hương Phong 12 hộ, Quảng Công 2 hộ).

- Rờ: có 01 hộ làm một trộ rờ giàn.

- Nghề di động: hiện trong chi hội có khoảng 7 hộ ở thôn Vĩnh Trị tham gia khai thác nghề lừ với 290 cheo. Ngoài ra trên mặt nước ở chi hội thường xuyên có khoảng 15 hộ ở nơi khác đến làm nghề lừ với khoảng 900 cái, đa số các hộ này đến từ thôn Thượng Tây và xã Quảng Thành. Kích thước mắt lưới 2a khoảng 12-14mm (rất nhỏ so với quy định của UBND tỉnh là 2a tối thiểu = 18mm). Các hộ tham gia làm nghề lừ như là một nghề phụ thêm, bởi các hộ này đều có các nghề chính như đáy, nò sáo và nuôi tôm cá.

- Nuôi trồng thủy sản: chi hội có 44 hộ tham gia nuôi trồng thủy sản ở 16 ha ao hồ hạ triều và 12,5 ha ao hồ cao triều. Đối tượng nuôi chủ yếu là tôm, cua, các loại cá nước lợ.

Công tác quản lý đầm phá được chi hội rất quan tâm bởi vì nó liên quan trực tiếp với sinh kế của từng người dân ở đây. Tuy nhiên, chi hội đang gặp một số khó khăn sau:

- Mặt nước đầm phá của chi hội tiếp giáp với nhiều địa phương, ngư dân tham gia khai thác đến từ nhiều xã khác nhau như Thuận An, Hương Phong, Hương Vinh, Quảng Thành..., các hoạt động của chi hội còn hạn chế, mong muốn của ngư dân chưa giải quyết kịp thời;

- Chưa có quy hoạch cụ thể cho các vùng;

- Xung đột xảy ra thường xuyên trên đầm phá vì sự tranh giành khai thác giữa các nghề;

- Nghề lừ phát triển nhanh về số lượng và kích thước mắt lưới lừ quá nhỏ tạo nên nguy cơ đánh bắt cạn kiệt;

- Đánh bắt không đi đôi với duy trì bảo vệ tài nguyên đầm phá đe dọa đời sống của ngư dân trong tương lai;

- Chi hội chưa được giao quyền khai thác;

- Kinh phí hoạt động còn ít;

- Thiếu phương tiện tuần tra;

Bản đồ thực trạng về khai thác và nuôi thủy sản (NTTS) (không có phân vùng) nằm ở Phụ lục 6.

## **PHẦN 3: KHU VỰC ĐỊA LÝ ĐỀ XUẤT GIAO QUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN**

### **3.1 Cơ sở pháp lý**

Nội dung thực hiện đồng quản lý tài nguyên đầm phá thông qua việc cấp quyền khai thác thủy sản được dựa trên các căn cứ:

- Quyết định số 347/QĐ, do Hội đồng Khoa học Nhà nước ban hành ngày 23/05/1992 về tiêu chuẩn phân loại kỹ thuật đường thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2006/TT-BTS do Bộ Thủy sản ban hành ngày 20/03/2006 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính Phủ số 59/2005/ND-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

- Thông tư số 15/2009/TT-BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành ngày 17/03/2009 về danh mục thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng, hạn chế sử dụng trong sản xuất và kinh doanh thủy sản;

- Công văn số 1017/BNN-KTBVNL, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành ngày 20/04/2009 về nâng cao quản lý nguồn lợi thủy sản và môi trường;

- Nghị định số 31/2010/ND-CP, do Chính phủ ban hành ngày 29/03/2010 về xử phạt hành chính các vi phạm trong lĩnh vực thủy sản;

- Quyết định số 3677/QĐ-UB, do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 25/10/2004 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể về quản lý khai thác thủy sản ở đầm phá Thừa Thiên Huế đến năm 2010;

- Quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND, do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 19/12/2005 ban hành Quy chế quản lý khai thác thủy sản ở đầm phá Thừa Thiên Huế;

- Hướng dẫn số 159/HD-STTS, do Sở Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 26/04/2006 về việc thực hiện Quy chế quản lý khai thác thủy sản ở đầm phá Thừa Thiên Huế;

- Công văn số 2011/UBND-NN, do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 08/05/2009 về quản lý nguồn lợi thủy sản và môi trường;

- Công văn số 4818/UBND-NN, do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành ngày 15/10/2009 về việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát, quản lý nghề “Lừ xếp” khai thác trên đầm phá.

### **3.2 Tọa độ địa lý của các vùng nằm trong quyền sử dụng mặt nước**

Phần này cung cấp tọa độ/bản đồ chính xác phân định vùng thuộc phạm vi giao quyền khai thác. Tọa độ được cung cấp theo dạng vĩ độ/ kinh độ thập phân trên hệ WGS84 (kèm theo tọa độ trên hệ VN 2000 ở phụ lục 8).

### 3.2.1 Khu vực đề xuất giao quyền cho CHNC Vĩnh Trị

Khu vực mặt nước đầm phá đề xuất giao quyền cho CHNC Vĩnh Trị (xem ở Bản đồ phân vùng-Phụ lục 7) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau và đường bờ tự nhiên đầm phá:

Điểm	Vĩ độ	Kinh độ	Mô tả
02	16.596700	107.568371	Mốc ranh giới chi hội Vĩnh Trị -xã Quảng Công
01	16.586499	107.564270	Mốc ranh giới chi hội Vĩnh Trị -xã Quảng Thành -xã Quảng An- xã Quảng Công (tọa độ 364)
15	16.582991	107.571915	Mốc ranh giới chi hội Vĩnh Trị-xã Hương Phong - xã Quảng Thành (tọa độ 364)
14	16.582479	107.586768	Mốc ranh giới chi hội Vĩnh Trị -xã Hương Phong (tọa độ 364)
13	16.579800	107.591410	Mốc ranh giới xã chi hội Vĩnh Trị-Thượng Tây- xã Hương Phong
03	16.582091	107.593370	Mốc ranh giới chi hội Vĩnh Trị-chi hội Thượng Tây (cọc bê tông- trên bờ phá)

- Ranh giới giữa chi hội Vĩnh Trị và xã Quảng Công là đường ranh giới giữa xã Hải Dương và xã Quảng Công theo bản đồ 364 (từ điểm 01 đến điểm 02);

- Ranh giới giữa chi hội Vĩnh Trị và xã Quảng Thành là đường ranh giới giữa xã Hải Dương và xã Quảng Thành theo bản đồ 364 (từ điểm 01 đến điểm 15);

- Ranh giới giữa chi hội Vĩnh Trị và xã Hương Phong là đường ranh giới giữa xã Hải Dương và xã Hương Phong theo bản đồ 364 (từ điểm 15 đi qua điểm 14 đến điểm 13);

- Ranh giới giữa chi hội Vĩnh Trị và chi hội Thượng Tây là đường nối thẳng giữa điểm 13 và điểm 03;

- Đường bờ tự nhiên từ điểm 03 đến điểm 02.

Tổng diện tích mặt nước đầm phá đề xuất giao quyền cho Chi hội Nghề cá Vĩnh Trị là 167ha (không có vùng giao thông), có các vùng chuyên biệt như sau:

**Diện tích mỗi vùng chức năng thuộc CHNC Vĩnh Trị**  
(tính đến ngày 10/01/ 2011)

STT	Vùng	Số vùng chuyên biệt	Diện tích (ha)
1	Vùng thủy lộ <sup>1</sup>	1	35,1
2	Vùng đệm ranh giới xã	1	8,5
3	Vùng đệm ven bờ đầm phá	1	10,8
4	Vùng đáy	7	10,2
5	Vùng nò sáo	1	38,3
6	Vùng khai thác chung	1	99,2
	<b>Cộng (2, 3, 4, 5, 6)</b>		<b>167,0</b>

**3.2.2 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và vùng đệm đường bờ**

- Vùng thủy lộ căn cứ vào tọa độ chính thức do Đoạn quản lý Đường sông của Sở Giao thông Tỉnh cung cấp để xác định. Chiều rộng của các tuyến thủy lộ cấp quốc gia là 120m và cấp địa phương là 100m ở vùng Tam Giang. Độ rộng này bao gồm tuyến lõi và dải đệm thủy lộ, phù hợp với quy định của Nhà nước (347/QĐ ngày 23/05/1992). Diện tích của vùng thủy lộ là 35,1ha. Vùng này thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh quản lý, trong phương án không đề xuất cấp quyền khai thác đối với vùng thủy lộ.

- Ranh giới xã xác định theo tọa độ chính thức do UBND huyện cấp và bản đồ địa hình chính thức tỉ lệ 1:25.000. Dải đệm 50 m (mỗi bên 25 m) được áp dụng cho vùng Hương Phong và Hải Dương theo đề xuất của UBND huyện Hương Trà. Diện tích của dải đệm ranh giới xã là 8,5 ha.

- Vùng đệm ven bờ đầm phá xác định theo đề xuất của UBND huyện Hương Trà, theo đó ở Hải Dương vùng đệm ven bờ là 50m (quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND, ngày 19/12/2005 quy định vùng đệm ven bờ tối thiểu ở Tam Giang là 50m). Diện tích của vùng này là 10,8 ha.

**3.2.3 Vùng đáy**

Mặt nước của chi hội Vĩnh Trị được bố trí 7 dãy đáy thuộc 7 tiểu vùng, tổng diện tích là 10,2ha (xem ở bản đồ phân vùng-Phụ lục 7). Tiểu vùng đáy được xây dựng dựa theo quy định của tỉnh (nghề di động hoạt động cách ngư cụ cố định tối thiểu là 20m) và quy chế của chi hội (quy định nghề khai thác di động hoạt động phải cách miệng đáy tối thiểu là 100m). Theo đó tiểu vùng đáy là vùng của mỗi dãy đáy, có kích thước từ 20-100m tính từ cọc và miệng đáy để đảm bảo các quy định ở trên.

Các tiểu vùng đáy được xác định bởi giới hạn bởi các điểm có tọa độ ở các bảng sau:

<sup>1</sup> Vùng1 này không xin cấp quyền vì vùng này thuộc quản lý của Sở Giao thông

*Tiểu vùng đáy D1*

<b>Điểm</b>	<b>Vĩ độ</b>	<b>Kinh độ</b>
D1.1	16.588747	107.566784
D1.2	16.590042	107.567300
D1.3	16.589712	107.568390
D1.4	16.588370	107.567812

*Tiểu vùng đáy D2*

<b>Điểm</b>	<b>Vĩ độ</b>	<b>Kinh độ</b>
D2.1	16.591048	107.567700
D2.2	16.592293	107.568196
D2.3	16.591853	107.569178
D2.4	16.590753	107.568747

*Tiểu vùng đáy D3*

<b>Điểm</b>	<b>Vĩ độ</b>	<b>Kinh độ</b>
D3.1	16.584936	107.571704
D3.2	16.586344	107.572331
D3.3	16.585564	107.573134
D3.4	16.584682	107.572741

*Tiểu vùng đáy D4*

<b>Điểm</b>	<b>Vĩ độ</b>	<b>Kinh độ</b>
D4.1	16.587437	107.572817
D4.2	16.588813	107.573429
D4.3	16.588267	107.574338
D4.4	16.586658	107.573621

*Tiểu vùng đáy D5*

<b>Điểm</b>	<b>Vĩ độ</b>	<b>Kinh độ</b>
D5.1	16.585416	107.578277
D5.2	16.586224	107.578591
D5.3	16.585940	107.579670
D5.4	16.585411	107.579491

*Tiểu vùng đáy D6*

<b>Điểm</b>	<b>Vĩ độ</b>	<b>Kinh độ</b>
D6.1	16.584990	107.582739
D6.2	16.585459	107.582915
D6.3	16.585205	107.584016
D6.4	16.584613	107.583789

*Tiểu vùng đáy D7*

<b>Điểm</b>	<b>Vĩ độ</b>	<b>Kinh độ</b>
D7.1	16.583601	107.586515
D7.2	16.584560	107.586783
D7.3	16.584333	107.587886
D7.4	16.583203	107.587569

### 3.2.4 Vùng nò sáo

Vùng nò sáo là vùng mặt nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ như bảng sau:

<b>Điểm</b>	<b>Vĩ độ</b>	<b>Kinh độ</b>	<b>Chú thích</b>
NS01	16.592804	107.567056	Bao gồm cả mặt nước giữa các dãy sáo
NS02	16.595060	107.567962	
NS03	16.593478	107.571602	
NS04	16.593139	107.573255	
NS05	16.590676	107.576399	
NS06	16.589571	107.577487	
NS07	16.587387	107.576145	
NS08	16.588047	107.574704	
NS09	16.589713	107.571931	
NS10	16.590645	107.570397	
NS11	16.591810	107.569275	

Vùng nò sáo ở Vĩnh Trị bố trí 3 dãy sáo và bao gồm cả mặt nước giữa các dãy sáo, có diện tích là 38,3ha (xem ở bản đồ phân vùng-Phụ lục 7). Số lượng nò sáo cụ thể được phép của từng dãy xem phần 4.1.2.

### 3.2.5 Vùng khai thác chung

Vùng khai thác chung về nguyên tắc là tất cả diện tích mặt nước không thuộc bất kỳ vùng chuyên biệt nào trên đây. Đây là vùng khai thác của rớ và các ngư cụ di động theo quy chế của CHNC. Vùng này được thể hiện trên bản đồ (Phụ lục 7), có diện tích là 99,2ha.

## **PHẦN 4**

# **PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỢI THỦY SẢN ĐẦM PHÁ**

### **4.1 Quy chế quản lý tài nguyên đầm phá đối với mỗi vùng chuyên biệt**

Mỗi vùng chức năng có một quy chế riêng biệt quy định nghề nào được phép hoạt động và hoạt động theo phương thức nào. Nguyên tắc chung áp dụng ở chi hội Vĩnh Trị như sau:

- Tất cả người làm nghề đáy, nghề nò sáo, nghề rớ, nghề lừ, nghề lưới của đều phải là hội viên chi hội nghề cá Vĩnh Trị. Các chủ hộ hộ phải đăng ký ngư cụ với chi hội và đóng đầy đủ phí sử dụng nguồn lợi.

- Hội viên chi hội nghề cá Vĩnh Trị và người ngoài chi hội làm các nghề di động khác (câu, dạy, soi) phải đăng ký ngư cụ với chi hội và đóng đầy đủ phí sử dụng nguồn lợi.

- Những người được phép khai thác trên vùng mặt nước của chi hội phải tuyệt đối tuân theo pháp luật hiện hành, các quy định của các cấp chính quyền và quy chế của chi hội.

#### **4.1.1 Vùng thủy lộ, vùng đệm ranh giới xã và đệm ven bờ đầm phá**

- Không được phép tiến hành các hoạt động NTTS và đặt ngư cụ cố định trong phạm vi thủy lộ để tàu thuyền lưu thông được dễ dàng. Không cho phép khai thác di động, nếu ngư cụ đó cản trở tàu thuyền đi lại.

- Không được phép tiến hành các hoạt động NTTS và đặt ngư cụ cố định trong vùng đệm ranh giới xã, để tránh mọi xung đột liên quan đến ranh giới xã.

- Không cho phép ngư cụ cố định hoạt động trong vùng đệm ven bờ đầm phá ngoại trừ rớ đã được quy hoạch theo đề án của UBND huyện Hương Trà, để đảm bảo lưu thông nước và bảo vệ cá con.

#### **4.1.2 Vùng đáy**

- Vùng đáy chỉ dành cho hoạt động khai thác của đáy, không được phép tiến hành các hoạt động khai thác khác và NTTS;

- Chỉ có hội viên chi hội Vĩnh Trị mới được phép làm nghề đáy;

- Tổng số miệng đáy giảm là từ 122 miệng hiện tại xuống còn 60 miệng (giảm 51 %), được bố trí trên 7 dãy. Số lượng cụ thể từng dãy như sau:

Số hiệu dãy	Số miệng đáy cho phép
D1	11
D2	8
D3	8
D4	13
D5	4
D6	5
D7	11
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60</b>

- Ở các dãy D1 và D2 mỗi hộ được làm tối đa 4 miệng đáy. Các dãy còn lại mỗi hộ được làm tối đa 2 miệng đáy;
- Tuân thủ theo đề án quy hoạch của huyện Hương Trà;
- Không được coi nôi, mở rộng diện tích mặt nước đã được cấp cho nghề đáy;
- Kích thước mắt lưới tối thiểu( phần đụp) là  $2a = 18\text{mm}$ ;
- Tất cả các hoạt động khai thác và NTTS phải cách miệng đáy tối thiểu là 100m;

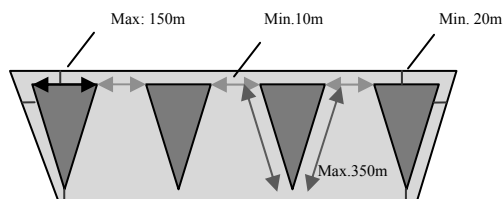
#### 4.1.3 Vùng nò sáo

- Vùng nò sáo là vùng dành hoàn toàn cho nò sáo, không được phép tiến hành các hoạt động khai thác khác và NTTS;
- Chỉ có hội viên chi hội Vĩnh Trị mới được phép làm nghề nò sáo;
- Tổng số nò sáo 14 trộ hiện tại giảm còn xuống còn 12 trộ, được bố trí trên 3 dãy. Số lượng cụ thể từng dãy như sau:

Số hiệu dãy	Số nò sáo cho phép
NSi	2
NSii	5
NSiii	5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12</b>

- Tuân thủ theo đề án sắp xếp của huyện Hương Trà;
- Không được coi nôi, mở rộng diện tích mặt nước đã được cấp cho nghề sáo;
- Mỗi hộ được làm tối đa một trộ sáo;
- Khoảng cách tối thiểu giữa hai cánh sáo liền kề là 10m;
- Khoảng cách tối thiểu giữa hai hàng sáo là 150m;
- Chiều dài tối đa mỗi cánh sáo là 350m;
- Miệng sáo rộng tối đa là 150m;

- Sáo phải đặt theo lối chữ V, tức là chỉ có hai cánh;
- Kích cỡ mắt lưới tối thiểu là  $2a = 18 \text{ mm}$ ;
- Tất cả các hoạt động khai thác và NTTS phải cách vùng nò sáo tối thiểu 20m (nò sáo được định nghĩa là hình tam giác được tạo bởi nò và hai cánh sáo – xem hình dưới đây):



#### 4.1.4 Vùng khai thác chung

Vùng khai thác chung ở chi hội Vĩnh Trị cho phép nghề rớ và các nghề khai thác di động hoạt động (quy định cụ thể ở phần sau đây). Vị trí trộ rớ được bố trí theo đề án của huyện Hương Trà.

#### Nghề khai thác cố định

##### a, Nghề rớ:

- Giữ nguyên một trộ rớ hiện có và không phát triển thêm;
- Tuân thủ theo đề án sắp xếp của huyện Hương Trà;
- Không được coi nới, mở rộng diện tích mặt nước đã được cấp;
- Chiều dài tối đa một cạnh của rớ là 25m;
- Kích thước mắt lưới tối thiểu là  $2a = 18\text{mm}$ ;
- Tất cả các hoạt động khai thác và NTTS phải cách rớ tối thiểu là 20m;

##### Nghề khai thác di động

- Những ngư cụ được phép trong vùng mặt nước của CHNC Vĩnh Trị gồm lừ, lưới cua, câu tay, dạn và soi tay (không sử dụng điện). Những ngư cụ di động nào không được đề cập trong quy định này không được phép khai thác nên không có sự cho phép chính thức (trên văn bản viết) của CHNC trước đó;

- Tất cả ngư cụ di động khai thác phải cách miệng đáy tối thiểu là 100m, cách rớ tối thiểu là 20m.

##### b, Nghề lừ:

- Chỉ có hội viên chi hội Vĩnh Trị mới được phép làm nghề lừ ở mặt nước của CHNC Vĩnh Trị;

- Số lượng lừ tối đa cho phép khai thác ở vùng mặt nước của chi hội đến năm 2015 là 600 cái;

- Hội nghị toàn thể chi hội quyết định số lượng lừ tối đa được phép khai thác cho từng năm (thực hiện lộ trình tiết giảm lừ đến năm 2015) và phân bổ số lượng cụ thể cho từng hộ;

- Chiều dài tối đa của mỗi lừ là 10m;
- Kích thước mắt lưới tối thiểu của lưới lừ là  $2a = 18\text{mm}$ ;
- Kích cỡ khung lồng sắt hình chữ nhật là 34cm (rộng) và 22 cm(cao);

- Không được đặt lừ ở nơi nước có độ sâu dưới 0,8 m;
- Ban ngày phải có phao báo hiệu điểm đặt lừ và ban đêm có phao báo sáng để dễ nhận biết trên mặt nước;
- Không được sử dụng hóa chất để giặt lừ.

**c, Nghề lưới cua:**

- Chỉ có hội viên chi hội Vĩnh Trị mới được phép làm nghề lưới cua ở mặt nước của CHNC Vĩnh Trị;
- Tổng số tay lưới tối đa được khai thác trên vùng mặt nước của chi hội đến năm 2015 là 300 tay;
- BCH chi hội quyết định số lượng tay lưới tối đa được phép khai thác cho từng năm và phân bổ cụ thể cho từng hộ;
- Chiều dài tối đa mỗi tay lưới là 50m;
- Kích thước mắt lưới tối thiểu là  $2a = 40\text{mm}$ ;
- Hoạt động nghề lưới vào ban ngày phải thả phao ganh, vào ban đêm phải có phao đèn sáng báo hiệu vị trí và hướng thả lưới.

**4.2 Quy chế về hệ thống phí sử dụng nguồn lợi**

- Sau khi được giao quyền khai thác, chi hội sẽ được UBND xã ủy quyền thu phí sử dụng nguồn lợi theo mức UBND huyện cho phép. Chi hội được UBND xã trích lại 80% số tiền từ nguồn thu này để tổ chức thu phí và phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản trên đầm phá; 20% nguồn thu này nộp vào ngân sách xã để phục vụ cho công tác quản lý chung về đầm phá trên toàn xã. Mức phí cụ thể cho từng loại nghề như sau:

Ngư cụ	Phí sử dụng nguồn lợi (VND/năm)	
	Hội viên	Ngoài hội viên
Nò sáo		
- Trộ khá	100.000/Trộ	Không được phép
- Trộ thường	70.000/Trộ	Không được phép
- Trộ hèn	50.000/Trộ	Không được phép
Đáy		
- Miếng khá:	120.000/Miếng	Không được phép
- Miếng thường:	70.000/Miếng	Không được phép
- Miếng kém:	50.000/Miếng	Không được phép
Rớ	70.000/Trộ	Không được phép
Lừ	1000/Cái	Không được phép
Lưới cua	2000/Tay	Không được phép
Câu		
Dạy	30.000/hộ	60.000/hộ
Soi		
Nuôi tôm, cá trong ao	100.000/ha	Không được phép

- Nguồn quỹ thu phí này chi hội phải chia ra hai phần tách biệt:

- Quỹ khai thác: thu phí từ các hoạt động khai thác và phục vụ cho công tác quản lý vùng khai thác như tuần tra trên đầm phá...

- Quỹ nuôi trồng: thu phí từ các hoạt động nuôi trồng và phục vụ cho công tác quản lý ở vùng nuôi trồng như bảo vệ môi trường, kiểm soát dịch bệnh ở vùng nuôi...

- Chi hội tổ chức quản lý thu chi quỹ này theo đúng luật ngân sách Nhà nước và điều lệ của chi hội.

- Báo cáo tài chính mỗi năm sẽ do BCH chuẩn bị, trong đó trình bày chi tiết tình hình thu, chi và số dư của quỹ trước hội nghị toàn thể chi hội và báo cáo lên UBND xã.

- BCH chi hội chuẩn bị kế hoạch ngân sách cho năm sau để thông qua hội nghị toàn thể chi hội vào cuối mỗi năm và báo cáo lên UBND xã.

- Hệ thống phí sử dụng tài nguyên trên đây có thể thay đổi tùy theo hội nghị toàn thể CHNC nhất trí đề xuất, UBND xã thông qua và được UBND huyện phê duyệt.

#### **4.3 Quy chế xử lý vi phạm**

- Khi phát hiện có sự vi phạm quy chế trong mặt nước chi hội Vĩnh Trị, tùy theo mức độ vi phạm CHNC sẽ xử lý từ phê bình nhắc nhở, hoặc sẽ đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo Nghị định 31/2010/ND-CP.

- Tất cả các trường hợp vi phạm sẽ báo cáo lên BĐQL trong các cuộc họp định kỳ.

- 100% tiền phạt thu từ hội viên sẽ được sử dụng làm của CHNC.

##### ***Hội viên vi phạm :***

- Lần thứ nhất: đội tuần tra lập biên bản phê bình nhắc nhở, phải bồi hoàn thỏa đáng thiệt hại nếu có gây ra;

- Lần thứ hai: đội tuần tra lập biên bản, hội viên vi phạm phải nộp 100.000 đ vào quỹ chi hội, phải bồi hoàn thỏa đáng thiệt hại nếu có gây ra;

- Lần thứ ba, bị khai trừ ra khỏi chi hội và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử phạt theo quy định hiện hành của Nhà nước;

##### ***Người ngoài chi hội vi phạm :***

- Lần thứ nhất: đội tuần tra lập biên bản, nhắc nhở, nếu gây ra thiệt hại chi hội sẽ đề xuất với cấp có thẩm quyền buộc phải bồi hoàn thỏa đáng;

- Lần thứ hai, đội tuần tra sẽ phối hợp với Công an xã, Xã đội hoặc cấp cao hơn xử phạt theo quy định hiện hành của Nhà nước;

***Đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng:*** như khai thác bằng xung điện, cào hến bằng thuyền máy, dùng hóa chất hủy hoại môi trường, ăn cắp tài sản của hội viên, thì đội tuần tra sẽ lập tức phối hợp với Công an xã, Xã đội, Bộ đội Biên phòng và các lực lượng chuyên ngành để kịp thời ngăn chặn và xử phạt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 4.4 Quy định về tuần tra giám sát

- Chi hội thành lập 03 tổ tự quản (tổ khai thác, tổ nuôi cao triều, tổ nuôi thấp triều), nhiệm vụ cụ thể:

a) Tổ chức tự quản trên địa bàn của tổ mình, tuyên truyền vận động cộng đồng thực hiện quy chế của chi hội đề ra;

b) Đảm bảo tình hình thực hiện quy chế trên địa bàn, đặc biệt là tình hình hoạt động của các nghề khai thác bị cấm (như rà điện, xiếc điện, cào hên bằng thuyền máy.....), báo cáo thường xuyên cho BCH chi hội;

c) Chấp hành sự điều động của BCH khi cần thiết;

- Quy định hoạt động của đội tuần tra:

a) Đội tuần tra được UBND xã ra quyết định thành lập theo đề xuất của chi hội;

b) Hoạt động dưới sự điều phối của Ban chấp hành CHNC;

c) Phải chấp hành sự điều động của BCH khi có yêu cầu tuần tra;

d) Phải đảm bảo bí mật, đúng giờ, đúng nơi quy định, có đủ các trang bị, dụng cụ được phân công;

e) Phải đeo băng đỏ khi tham gia tuần tra;

f) Phải thực hiện đúng Quy chế và Điều lệ chi hội cũng như chính sách và pháp luật của nhà nước;

g) Phải tuân thủ những quy định trên. Nếu vi phạm những quy định trên quá 3 lần sẽ bị chi hội đề xuất lên UBND xã khai trừ ra khỏi đội tuần tra. Về thủ tục BCH phải lập biên bản gửi lên UBND xã và BĐQL xã để ra quyết định cuối cùng, đồng thời có quyết định cho CHNC bầu bổ sung thành viên mới vào đội tuần tra;

- Trách nhiệm của BCH chi hội:

a) Tổ chức tuần tra định kỳ 2 lần/ tháng, và tuần tra đột xuất tùy theo tình hình cụ thể ở trong địa bàn của chi hội. Mỗi lần tuần tra có ít nhất là 2 thành viên trong BCH cùng tham gia với đội tuần tra;

b) Mỗi lần tổ chức tuần tra phải đề xuất với BĐQL để huy động lực lượng Công an xã, Xã đội, Bộ đội Biên phòng, phối hợp tham gia;

c) Cung cấp cho các hội viên các số điện thoại của BCH, Công an xã, Xã đội... để khi cần thiết hội viên có thể liên lạc;

d) Điều động nghe thuyền tham gia tuần tra;

e) Điều động các tổ tự quản hỗ trợ ứng phó khi cần thiết;

- Tổ chức tuần tra:

a) Tất cả thuyền bè trong chi hội đều phải phục vụ cho công tác tuần tra của chi hội;

b) BCH phải có kế hoạch điều động nghe thuyền hợp lý và linh động. Khi được điều động các hội viên phải tuyệt đối tuân theo;

c) Kinh phí cho công tác tuần tra: kinh phí tuần tra được trích ra từ các nguồn quỹ của chi hội( phí hội viên, phí sử dụng nguồn lợi, hoạt động kinh tế.....). BCH dự trù mức chi phí về tiền dầu cho thuyền đi tuần tra, tiền nước uống cho đội tuần tra để đưa ra hội nghị toàn thể chi hội thông qua;

#### **4.5 Quy chế quản lý xung đột**

Xung đột xảy ra thuộc thẩm quyền chi hội thì BCH chi hội sẽ căn cứ điều lệ, quy chế để giải quyết. Những xung đột mà CHNC xét thấy vượt quá thẩm quyền thì sẽ chuyển lên UBND xã giải quyết, hoặc xin ý kiến chuyển tiếp lên cấp có thẩm quyền để xử lý theo pháp luật.

#### **4.6 Phối hợp với các quy định khác của CHNC**

Các quy chế hiện hành khác của CHNC trái với các quy định trong phương án này sẽ bị loại bỏ.

#### **4.7 Điều chỉnh phương án**

Xét thấy cần thiết thì CHNC, UBND xã hoặc bất kỳ cơ quan nào có liên quan đều có thể đề xuất điều chỉnh phương án này. Việc điều chỉnh phải được chi hội Vĩnh Trị nhất trí, UBND xã Hải Dương thông qua và được UBND huyện Hương Trà phê duyệt.

## PHẦN 5: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Phần này trình bày chi tiết và lịch trình các hoạt động sau khi đã giao quyền cho CHNC; hoạt động gồm triển khai (đăng ký và thu phí), giám sát và chấp pháp (tuần tra), các nỗ lực bảo vệ, tuyên truyền và các hoạt động khác.

### 5.1 Kế hoạch hoạt động chung và lịch thực hiện

Thời gian giao quyền sử dụng mặt nước ở Hải Dương dự kiến là 5 năm theo Quyết định số 3677/QĐ-UB. Lịch trình thực hiện mỗi hoạt động trình bày ở bảng dưới đây:

Hoạt động	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Đơn vị thực hiện
Đăng ký nghề nghiệp và thu phí sử dụng nguồn lợi	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T3	CHNC
Sắp xếp lại ngư cụ cố định theo quy định của huyện	T3-T12	T1-T12					CHNC, UBND xã, Phòng NN
Tiết giảm số lượng lừ	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12		CHNC, UBND xã
Tuần tra mặt nước đầm phá	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T3	CHNC, UBND xã
Làm vệ sinh đầm phá	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm	2lần/năm		CHNC, UBND xã
Thả giống vào đầm phá (để tăng lượng cá)	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm	1lần/năm		CHNC, UBND xã
Các hoạt động tuyên truyền	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T3	CHNC, UBND xã
Cắm mốc bổ sung	T3-T12	T1-T12					CHNC
Các hoạt động kinh tế của CHNC	T3-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T12	T1-T3	CHNC
Gia hạn quyền khai thác thủy sản						T2-T3	CHNC, UBND xã, Phòng NN

## **5.2 Đăng ký nghề nghiệp, thu phí sử dụng nguồn lợi**

Khi được giao quyền, CHNC Vĩnh Trị sẽ tổ chức một cuộc họp lớn để thông báo đến tất cả hội viên về việc đăng ký nghề và đóng phí sử dụng nguồn lợi. Chi hội cũng sẽ tìm cách thông báo và khuyến khích người ngoài chi hội tham gia đăng kí nghề và đóng phí. Đối với ngư cụ cố định phải đăng ký trong vòng 4 tháng kể từ ngày chi hội được giao quyền, nộp phí đầy đủ vào ngày đăng ký với chi hội. Đối với nghề di động việc đăng ký nghề có thể tiến hành quanh năm, người đăng ký phải nộp đủ phí vào ngày đăng ký với chi hội. Các hộ đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ này sẽ được chi hội cấp thẻ sử dụng nguồn lợi.

## **5.3 Sắp xếp lại ngư cụ cố định**

Theo kế hoạch của tỉnh thì công việc sắp lại nò sáo, đáy, rờ sẽ được thực hiện vào năm 2011. Việc thực hiện tái sắp xếp ngư cụ cố định phải theo kế hoạch phân vùng như đã nêu trong phương án này. Số lượng lừ và ngư cụ di động sẽ được chi hội tiết giảm dần và đến năm 2015 phải đạt được các chỉ tiêu về số lượng như đã nêu ra ở phần 4.1.4

## **5.4 Công tác tuần tra giám sát**

Công tác tuần tra là hoạt động rất quan trọng của CHNC Vĩnh Trị. Chi hội xây dựng quy định về công tác tuần tra, theo đó chi hội phân công 3 phân hội tự quản, bám sát theo dõi tình trên từng địa bàn của mình, báo cáo với chi hội nếu có các hoạt động vi phạm và sẵn sàng phối hợp với chi hội để ngăn chặn. Chi hội thành lập đội tuần tra đầm phá gồm 10 thành viên, sau khi được giao quyền sử dụng mặt nước sẽ đi tuần tra mỗi tháng 2 lần trên phá ; Kế hoạch tuần tra sẽ được thực hiện ngẫu nhiên và bí mật. Trong các trường hợp đối phó với các đối tượng khai thác hủy diệt, trộm cắp tài sản, chi hội sẽ đề nghị sự hỗ trợ của Công an xã, Xã đội, Bộ đội Biên phòng để tạm giữ, tịch thu ngư cụ, xử phạt theo pháp luật hiện hành.

## **5.5 Các hoạt động bảo vệ và bảo tồn**

Khi đã có quyền sử dụng mặt nước, CHNC sẽ tiến hành vệ sinh môi trường đầm phá một năm hai lần, có hội viên CHNC tham gia đầy đủ cùng các trường học địa phương; đây là một cách giáo dục cho học sinh ý thức về môi trường.

CHNC cũng sẽ thả cá giống vào đầm phá (nhằm tái tạo tài nguyên) ít nhất một lần một năm nhằm duy trì lượng cá ở đầm phá. Thành phần loài sẽ được quyết định mỗi năm tùy theo góp ý của nhiều bên có liên quan. Tránh thả các giống lạ.

## **5.6 Các hoạt động tuyên truyền**

CHNC Vĩnh Trị bấy lâu nay đã tổ chức nhiều hoạt động và sự kiện để quảng bá hình ảnh của chi hội, tuyên truyền vận động người dân trong khu

vực thực hiện quy chế của chi hội. Sau khi được giao quyền sử dụng mặt nước, CH sẽ tiếp tục nâng cao nhận thức của người dân địa phương và người sử dụng tài nguyên bằng các hình thức:

- Tổ chức các cuộc họp lớn và tập huấn;
- Tổ chức các lễ hội truyền thống nghề cá;
- Vệ sinh đầm phá một năm hai lần;
- Phát tờ rơi để nâng cao ý thức bảo vệ đầm phá và tầm quan trọng của CHNC;
- Cấm biển báo hiệu và/ hoặc áp phích ở các vị trí chiến lược để thông tin thêm về các hóa chất cấm, các hoạt động khai thác bất hợp pháp, các loài cần bảo vệ, kích cỡ thu hoạch, và phân vùng cũng như quy chế CHNC;
- Phổ biến thông tin qua loa phóng thanh, và nếu được là qua đài phát thanh và/hoặc truyền hình;

Do nghề cá, đặc biệt là khai thác di động, hoạt động trên phạm vi nhiều xã nên trong chiến dịch tuyên truyền của CHNC sẽ có hoạt động công bố quyền sử dụng mặt nước và các quy chế quản lý cho các xã lân cận.

### **5.7 Cấm mốc bổ sung**

Vùng nò sáo đề cập trong đề án này sẽ cấm mốc báo hiệu bằng bê-tông hoặc tre trong năm 2011 và 2012.

**Đơn vị xin cấp quyền khai thác  
TM. CHI HỘI NGHỀ CÁ VĨNH TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thọ**

**TM.UBND XÃ HẢI DƯƠNG**

**CHỦ TỊCH**

**Đơn vị hỗ trợ kỹ thuật**

**DỰ ÁN IMOLA**

**Massimo Sarti**

## **PHỤ LỤC**

1. Quyết định của Tỉnh hội về thành lập CHNC
2. Điều lệ hội
3. Danh sách thành viên BCH
4. Danh sách hội viên CHNC
5. Thỏa thuận về thành lập ban đồng quản lý (đã ký)
6. Bản đồ thực trạng ngư cụ và NTTS
7. Bản đồ phân vùng vùng mặt nước CHNC (gồm các vùng chuyên biệt)
8. Hệ tọa độ theo VN2000